TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/05/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Thiều Thị Phi Loan
Ông Trần Văn Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2934/2022/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 501/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị H**, sinh năm 1984
Hộ khẩu thường trú: 1/114, tổ 3, khu phố 8, phường A, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* **Ông Lê Phúc H**, sinh năm 1980
Hộ khẩu thường trú: 1/114, tổ 3, khu phố 8, phường A, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ tạm trú: Lô 49, tổ 1A, khu phố 8, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà Hoa có đơn xin vắng mặt; ông Hùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Phúc H nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2008; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Hơn nữa, ông H có tình cảm với người phụ khác, bà vẫn tha thứ để hai vợ chồng được hòa thuận nhưng khoảng thời gian quay về chung sống với nhau ông H lại ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện nhậu nhẹt gây sự với vợ, làm cho cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không hạnh phúc. Cả hai đã không còn tôn trọng lẫn nhau, nhiều lần cả hai cùng ngồi lại vì không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm của bà với ông H cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung là cháu Lê Hiếu H, sinh ngày 29/06/2009; cháu Lê Phú T, sinh ngày 11/09/2011. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung. Tạm thời, bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Phúc H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H. Về con chung: giao cháu Lê Phú T, sinh ngày 11/09/2011; cháu Lê Hiếu H, sinh ngày 29/06/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phúc H. Căn cứ vào Điều 28, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp ly hôn*"; Bà Lê Thị H là nguyên đơn, ông Lê Phúc H là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị H nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Phúc H hiện đang cư trú phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho ông Lê Phúc H, nhưng ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Phúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo bà Lê Thị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp; hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, ông H vẫn không hề thay đổi, cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Lê Phúc H.

Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Phúc H đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt, cho thấy ông H không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H xin ly hôn với ông H là có cơ sở. Do đó, Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung là cháu Lê Hiếu H, sinh ngày 29/06/2009; cháu Lê Phú T, sinh ngày 11/09/2011. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung. Xét thấy, cháu H, cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ (bà H), hơn nữa ông

H được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên giao cháu T, cháu H cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa lấy được lời khai của ông H về vấn đề tài sản chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa lấy được lời khai của ông H về vấn đề nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Lê Thị H phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoa. Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Phúc H.

- Về con chung: Giao cháu cháu Lê Hiếu H, sinh ngày 29/06/2009; cháu Lê Phú T, sinh ngày 11/09/2011 cho bà Lê Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Tạm thời, ông Lê Phúc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con, nên ông H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H trình bày không có. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H trình bày không có. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004739 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

- Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H, ông Lê Phúc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Nguyễn Trần Nhàn

SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**